

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 16-10-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiền
2. Ông Võ Thành Bê

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2018/TLST-HNGĐ ngày 28-5-2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Lệ P**, sinh năm 1982 (Có mặt)

HKTT: Ấp MC, xã VKĐ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, địa chỉ cư trú: Ấp MG, xã VKĐ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang Số điện thoại 0167.....

2. Bị đơn: Anh **Mai Văn T**, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

HKTT: Ấp MC, xã VKĐ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, địa chỉ cư trú: Ấp MG, xã VKĐ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang Số điện thoại 0968.....

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/4/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Dương Lệ P trình bày:*

Năm 2004 chị và anh Mai Văn T chung sống với nhau như vợ chồng đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh T thường xuyên ăn nhậu,

kiếm chuyện chửi mắng chị nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, mỗi lần mâu thuẫn anh T hay đánh chị, có lần đánh chị đến ngất xỉu rồi bỏ mặc chị, vì thương con nên chị cố nhẫn nhịn chịu đựng nhưng anh T vẫn không thay đổi tính tình, làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn không thể khắc phục được nên đã thật sự ly thân nhau từ tháng 02 năm 2018 đến nay.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 đứa con chung tên Mai Thị CT, sinh ngày 12/7/2006 hiện đang chung sống với vợ chồng.

Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Mai Văn T;
2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Mai Thị CT, sinh ngày 12/7/2006, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con;
3. Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn chị Dương Lệ P vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn anh Mai Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn anh Mai Văn T biết và quy định thời gian để anh T có ý kiến về việc khởi kiện “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của nguyên đơn chị Dương Lệ P. Nhưng anh T không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tổng đạt hợp lệ cho anh T nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt lần thứ hai không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: “*Bị đơn, ... đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*”.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho anh T, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa và đã tổng đạt hợp lệ

cho anh T, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Lệ P không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Lệ P và anh Mai Văn T chung sống với nhau từ năm 2004, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền (UBND xã), như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, nay chị P có yêu cầu ly hôn, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng.

- Về quan hệ nuôi con chung: Theo chị P, vợ chồng có 01 con chung tên Mai Thị CT, sinh ngày 12/7/2006. Khi ly hôn, yêu cầu được tiếp tục nuôi Mai Thị CT, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi vợ chồng ly hôn.

Nội dung này đã được Tòa án nêu rõ trong thông báo thụ lý vụ án và đã tổng đạt hợp lệ cho anh T, nhưng anh T vẫn không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu của chị P và cũng không có yêu cầu gì khác. Hơn nữa, cháu Mai Thị CT cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến sau khi cha mẹ (chị P, anh T) ly hôn có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị P. Vì vậy, xét yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị P là phù hợp với nguyện vọng của cháu Mai Thị CT và theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cháu Mai Thị CT, sinh ngày 12/7/2006 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị và anh T ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Lệ P không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Theo chị P, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của chị P về tài sản và nợ như trên, Tòa án đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án để anh T biết, nhưng đến nay anh T không có ý kiến gì phản bác ý kiến của chị P và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (chị P, anh T) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết đến phần này.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Lệ P có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Lệ P và anh Mai Văn T.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung tên Mai Thị CT, sinh ngày 12/7/2006 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng (*đúng theo nguyện vọng Mai Thị CT và hiện cháu T đang sống với chị P*), anh T không cấp dưỡng nuôi con cùng chị P sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Dương Lệ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008749 ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16/10/2018); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSV, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh